

Bản án số: 32/2021/HS-PT.
Ngày: 05-5-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga -Kiểm sát viên.

Ngày 05-5-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2021/TLPT-HS, ngày 13-01-2021 đối với bị cáo Lâm B do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HS-ST ngày 08-12-2020 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: Lâm B; Sinh năm: 1975; Nơi sinh: Thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm T, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nuôi tôm; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Lâm L và bà Ngô T; Có vợ là NLQ, sinh năm 1978 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25-9-2020 đến nay. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần H-luật sư của Văn phòng luật sư VH thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ văn phòng: Khu dân cư M, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị hại: Ông Lâm N; Sinh năm: 1973; Nơi cư trú: Khóm T, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: NLQ; Sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Khóm T, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người làm chứng:

1. NLC1; Sinh năm: 1965; Nơi cư trú: Khóm T, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. NLC2; Sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Khóm T, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 05-6-2020, Lâm B và ông Lâm N (là anh em ruột) xảy ra cự cãi về việc rút bông xô nước đối với phần đất đang có tranh chấp. Sau đó, NLQ (là vợ Bon) đến, thì giữa NLQ và ông N xảy ra cự cãi, thì ông N dùng ống nước bằng nhựa đánh trúng vào đầu của NLQ hai cái nhưng không gây thương tích. Thấy vậy, B đã dùng khúc cây gỗ dài 106 cm đánh ông N, một cái trúng vào khuỷu tay trái và một cái trúng vào hạ sườn trái gây thương tích. Ông N đã dùng ống nước bằng nhựa dài khoảng 79 cm đánh trả lại trúng vào đầu và mặt B nhưng không gây thương tích. Cùng lúc đó, NLQ lượm một cục đất khô ném trúng vào vùng má phải của ông N. Sau đó, được NLC1 (là anh ruột của B và ông N) can ngăn nên hai bên nghỉ đánh nhau. Sau đó, ông N được gia đình đưa đi Bệnh viện đa khoa T điều trị thương tích đến ngày 08-6-2020 xuất viện. Sau khi xuất viện, ông N làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với B, còn đối với NLQ thì ông N không có yêu cầu xử lý hình sự.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 233/TgT-PY ngày 24-7-2020 của Trung tâm Pháp y-Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận: Lâm N bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên với tổng tỷ lệ là 04%; thương tích do vật tày gây nên. Trong đó: Sẹo sây sứt gây biến đổi sắc tố da nông vùng má phải kích thước 1,5cm x 0,1cm, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%; Sẹo sây sứt gây biến đổi sắc tố da nông vùng khuỷu tay trái kích thước 1,2cm x 0,1cm, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%; Sẹo sây sứt gây biến đổi sắc tố da nông vùng lưng trái kích thước 0,8cm x 0,4cm, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%; Sẹo sây sứt gây biến đổi sắc tố da nông vùng bụng-hạ sườn trái kích thước 08cm x 0,6cm, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%; Gãy cung sườn 2, 3, 4, 7 bên trái có cal xương, dày dính màng phổi trái+vôi hóa màng phổi trái, chụp ngày 07-6-2020 đây là tổn thương cũ nên không tính tỷ lệ % các xương sườn bị gãy.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HS-ST ngày 08-12-2020 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, h, i, e, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Tuyên bố: Bị cáo Lâm B phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Tuyên xử:

1. Xử phạt bị cáo Lâm B 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 01 (Một) năm, thời gian thử thách tính kể từ ngày 08-12-2020.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lâm B cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 85 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Các điều 357, 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lâm B có nghĩa vụ bồi thường các khoản chi phí hợp lý cho bị hại Lâm N với tổng số tiền là 12.075.000 đồng (Mười hai triệu, không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Đối với số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo Lâm B đã nộp trước, giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục quản lý để đảm bảo việc thi hành án của bị cáo Lâm B.

- Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 23-12-2020, bị cáo Lâm B kháng cáo: Về trách nhiệm hình sự yêu cầu tuyên bố bị cáo không phạm tội “Cố ý gây thương tích”, trường hợp không được chấp nhận đề nghị xem xét áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm hình phạt cho bị cáo trước khi cho hưởng án treo; Về trách nhiệm dân sự đề nghị xem xét giải quyết lại theo đúng quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lâm B giữ nguyên kháng cáo. Bị cáo B xác định vào ngày 05-6-2020, do bị cáo bức xúc việc bị hại N dùng ống nước đánh vợ bị cáo là NLQ nên bị cáo có lợm khúc gỗ đánh bị hại N hai cái gây thương tích ở vùng hạ sườn trái, còn vết thương ở khuỷu tay trái của bị hại là do bị hại tự té chứ không phải do bị cáo gây ra.

- Bị hại Lâm N xác định bị cáo B dùng khúc gỗ đánh hai cái gây thương tích ở vùng hạ sườn trái và khuỷu tay trái, còn thương tích ở vùng má phải là do

NLA dùng đất chọi trúng gây ra và vết thương ở vùng lưng trái là do bị hại tự té gây ra.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án NLQ khai nhận, sau khi NLQ bị bị hại N dùng ống nước đánh thì bị cáo B có dùng cây đánh bị hại N và NLQ có dùng cục đất chọi trúng vùng mặt của bị hại N.

- Người làm chứng NLC1 xác định có chứng kiến bị cáo Bon dùng cây đánh nhiều cái trúng vào người của bị hại N nhưng không biết cụ thể vị trí bị thương tích.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng xác định kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa của bị cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét xuất phát từ việc bị hại N có hành vi đánh NLQ nên bị cáo B bị kích động mạnh về tinh thần mà có hành vi dùng cây đánh lại bị hại N nên bị cáo B không phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đề nghị trên thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm hình phạt cho bị cáo B để công bằng so với các vụ án khác có tính chất tương tự. Về phân trách nhiệm dân sự, cấp sơ thẩm buộc bị cáo B bồi thường số tiền vượt quá yêu cầu của bị hại N nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Đơn kháng cáo của bị cáo Lâm B gửi cho Tòa án nhân dân thị xã V thông qua đường dịch vụ bưu chính vào ngày 23-12-2020 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo B, về trách nhiệm hình sự, về giảm hình phạt và về trách nhiệm dân sự theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo B, về trách nhiệm hình sự-bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Cố ý gây thương tích”: Xét tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B khai nhận vào ngày 05-6-2020, do bức xúc việc bị hại N dùng ống nước đánh vợ bị cáo là NLQ nên bị cáo có lượm khúc gỗ đánh bị hại N hai cái gây thương tích ở vùng hạ sườn trái, nhưng thương tích của bị hại N ở vùng khuỷu tay trái không phải do bị cáo gây ra. Tuy nhiên, theo giấy chứng nhận thương tích và kết luận giám định thể hiện bị hại N có một vết thương ở vùng má phải, một vết thương ở vùng khuỷu tay trái, một vết thương ở vùng lưng trái, một vết thương ở vùng bụng-hạ sườn trái (các tổn thương của bị hại do vật tày gây nên) và vết thương cũ gãy cung sườn 2, 3, 4, 7 bên trái. Theo kết quả thực nghiệm điều tra cho thấy

lời khai của bị hại N là phù hợp với cơ chế hình thành vết thương của bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng NLC1, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo B và bị hại N là anh em ruột và có mâu thuẫn vì tranh chấp đất đai. Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 05-6-2020, giữa bị cáo B và bị hại N xảy ra cự cãi về việc rút bông xô nước đối với phần đất đang có tranh chấp. Sau đó, NLQ (là vợ B) đến, thì giữa NLQ và ông N xảy ra cự cãi, ông N dùng ống nước bằng nhựa đánh trúng vào đầu của NLQ hai cái nhưng không gây thương tích, thì bị cáo B dùng khúc cây gỗ dài 106 cm đánh ông N, một cái trúng vào khuỷu tay trái và một cái trúng vào hạ sườn trái gây thương tích. Theo kết luận giám định, thương tích của bị hại N ở vùng khuỷu tay trái có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01% và vết thương ở vùng bụng-hạ sườn trái có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%, thương tích của bị hại N do bị cáo B gây nên có tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%. Như vậy, bị cáo B đã thực hiện hành vi cố ý dùng khúc cây gỗ là vật cứng chắc, loại hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho bị hại N với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%. Xét trước khi bị cáo B dùng cây đánh bị hại N gây thương tích thì trong lúc cự cãi với NLQ, bị hại N đã có hành vi dùng ống nước bằng nhựa đánh NLQ nhưng không gây thương tích làm cho bị cáo B kích động tinh thần. Xét hành vi của bị hại N là vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức vi phạm pháp luật nghiêm trọng dẫn đến bị cáo B bị kích động mạnh về tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo B phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo B, về việc xin giảm hình phạt: Khi lượng hình đối với bị cáo, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện nộp tiền bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng; phạm tội trong trường hợp bị kích động tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo; bị cáo có nhân thân tốt, theo quy định tại điểm b, điểm e, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); và xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo gây thiệt hại về sức khỏe cho bị hại và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với bị cáo nhưng lại áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn đối với bị cáo là chưa phù hợp quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cha ruột của bị cáo là người có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, xét về mức hình phạt mà Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xử phạt bị cáo B là 06 tháng tù là tương xứng với mức độ, tính chất hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng. Vì vậy, Hội đồng

xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, về việc giảm hình phạt. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo B, về phần trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã buộc bị cáo B bồi thường cho bị hại N tổng số tiền là 12.075.000 đồng gồm các khoản: Chi phí điều trị là 3.315.000 đồng; Tiền xe là 200.000 đồng; Chi phí bị mất của bị hại trong thời gian điều trị thương tích là 800.000 đồng; Chi phí bị mất của người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị thương tích là 800.000 đồng; Tiền bồi dưỡng sức khỏe là 1.000.000 đồng; Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 5.960.000 đồng. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ về điều trị thương tích mà bị hại N đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại các khoản nêu trên có cơ căn cứ, không vượt quá yêu cầu bồi thường của bị hại là 12.815.000 đồng và phù hợp với quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo B, về phần trách nhiệm dân sự. Đồng thời, giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V tiếp tục quản lý số tiền mà bị cáo B đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 000781 ngày 28-10-2020 để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm c, điểm g khoản 1 Điều 23 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 503.750 đồng $\{(12.075.000 \text{ đồng} - 2.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 503.750 \text{ đồng}\}$.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lâm B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Lâm B. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HS-ST ngày 08-12-2020 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, điểm e, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố bị cáo Lâm B phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo Lâm B 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và thời gian thử thách là 01 (Một) năm, thời gian thử thách tính kể từ ngày 08-12-2020. Giao bị cáo Lâm B cho Ủy ban nhân dân phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, bị cáo Lâm Văn Bon cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 584, 585, 586, 590 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Xử buộc bị cáo Lâm B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại Lâm N tổng số tiền là 12.075.000 đồng (Mười hai triệu, không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

- Về nghĩa vụ thi hành án dân sự:

- + Về nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- + Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Giao Chi cục thi hành án dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục quản lý số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) do bị cáo Lâm B đã nộp theo Biên lai thu tiền số 000781 ngày 28-10-2020 để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về án phí:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm c, điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 23 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc bị cáo Lâm B chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 503.750 đồng (Năm trăm lẻ ba ngàn, bảy trăm năm mươi đồng).

- Xử buộc bị cáo Lâm B chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

5. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND TX. V (02);
- VKSND TX. V (01);
- CQĐT - Công an TX. V (01);
- CQTHAHS-Công an TX. V (01);
- Chi cục THADS TX. V (01);
- Bị cáo; BH; NLQ; NBC (04);
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HS, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ